

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2019/DS-PT
Ngày 21 tháng 11 năm 2019
Về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cúa
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số 311/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2019/QĐPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Bá T, sinh năm 1946.

HKTT: Số nhà 198/24, Đ, phường 17, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Bá Tài: Ông Võ Tấn T luật sư của Văn phòng luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Nguyễn Bá M (chết).

- **Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:**

1. Lữ Lệ T, sinh năm 1957;

2. Nguyễn Bá T1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976.

HKTT: Số nhà 24, N, phường 2, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp cho bà T, anh T1, chị T là ông Lê Châu T- Luật gia Đoàn Luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019 và ngày 21/01/2019)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Bá S, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số nhà 14/2A, K, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
(Ông S có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. UBND huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ trụ sở: Ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn P- Chủ tịch UBND huyện C-Bến Tre
(Ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

kháng cáo:

1. Bà Lữ Lệ T.
2. Nguyễn Thị Thanh T.
3. Nguyễn Bá T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Bá T trình bày:

Ông bà nội của ông T là cụ Nguyễn Văn P – cụ Nguyễn Thị Đ (Đã chết). Cha của ông T là ông Nguyễn Bá T2 sinh năm 1924 mất năm 1951. Mẹ của ông T là bà Nguyễn Thị H sinh năm 1922 mất năm 2018. Ông T2 và bà H có tất cả bốn người con là ông Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá T3 (hy sinh năm 1968 không vợ con) và Nguyễn Bá M (chết năm 2016). Ông M có vợ là bà Lữ Lệ T sinh năm 1957 và các con là Nguyễn Bá Thái sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh Trúc sinh năm 1976. Trước đây bà Nguyễn Thị H có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 12.900 m² thuộc các thửa số 937, 938, 944 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/7/1992. Nguồn gốc đất này là của ông bà nội ông là cụ P – cụ Đ để lại cho cha mẹ ông là ông Nguyễn Bá T2 – bà Nguyễn Thị H từ trước năm 1945. Trong phần đất diện tích 12.900 m² có 300 m² đất thổ cư. Từ sau năm 1945 ông T2, bà H canh tác đất làm vườn, làm ruộng. Năm 1951, ông T2 chết, bà H trực tiếp canh tác đất đến khi bà H qua đời. Trên đất bà H có trồng dừa, làm ruộng sau đó lên vườn. Thời gian bà H còn sống, các con cháu không có sống chung với bà H. Đến năm 2010 ông T về sinh sống và chăm sóc bà H, ông T không biết trước đó ông Nguyễn Bá M đã thuê dịch vụ làm sang tên sổ đỏ dưới hình thức hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá M. Ông M đã đứng tên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208706 và AL 028707 do UBND huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Bá M ngày 21/4/2008. Theo ông T, bà H đã lớn tuổi không còn minh mẫn để ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chữ ký trong hợp đồng tặng cho không phải là chữ ký của bà H, phần ghi chứng thực trong hợp đồng tặng cho bên A là Nguyễn Thị H, bên B là Trần Thị H là không đúng. Vì vậy ông T yêu cầu Tòa án hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208706 và AL 028707 do UBND huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Bá M ngày 21/4/2008, yêu cầu tòa án chia thừa kế phần đất diện tích 12.900 m² thuộc các thửa số 937, 938, 944 tờ bản đồ số 1, thửa mới là thửa 210, 257 tờ 7 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre làm 3 phần bằng nhau cho ông T, ông ông Nguyễn Bá S, ông Nguyễn Bá M (đã chết). Bà T, anh T1, chị T sẽ nhận kỷ phần của ông M. Riêng phần căn nhà

gắn liền với đất để thờ cúng và ngôi mộ giao lại cho vợ con ông M quản lý ông T không yêu cầu chia thừa kế.

Ngày 18/7/2019, ông T có đơn yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế phần đất của ông Trang bà H để lại theo diện tích đo đạc thực tế là 14.496,2 m² thửa mới số 210, 257 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã Ta, huyện C, tỉnh Bến Tre làm 3 phần, ông T yêu cầu nhận phần đất thửa 210 DK-1 diện tích 3.442 m² và thửa 257 DK-3 diện tích 1.390,1 m². Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Về kết quả đo đạc định giá, nguyên đơn thống nhất và không ý kiến.

Về chi phí đo đạc, định giá trưng cầu giám định, trích lục hồ sơ nguyên đơn tự nguyện nộp.

Tại Bản tự khai ngày 19/4/2019 cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Lữ Lệ T, anh Nguyễn Bá T1, chị Nguyễn Thị Thanh T là ông Lê Châu T trình bày:

Ông Nguyễn Bá M sinh năm 1950 mất năm 2016 không để lại di chúc. Vào ngày 04/02/2008 ông M được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H sinh năm 1922 đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xác lập một văn bản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau đó ông M làm thủ tục kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/4/2008 gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208706 diện tích là 3.100 m² thuộc thửa số 944 tờ bản đồ số 1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208707 diện tích 9.800 m² thuộc thửa số 2081 tờ bản đồ số 1 cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông M đã canh tác và trồng cây lâu năm trên phần đất này, không có ai tranh chấp kể cả khi bà Nguyễn Thị H còn sống. Đến năm 2018 bà Nguyễn Thị H qua đời ông Nguyễn Bá T từ thành phố Hồ Chí Minh đứng ra tranh chấp thừa kế về tài sản do bà H để lại là không có căn cứ. Bởi tài sản của bà Nguyễn Thị H đã chuyển qua ông Nguyễn Bá M vào ngày 04/02/2008 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thực hiện đúng quy trình. Do đó, bà T, anh T1, chị T không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2018 của TAND huyện C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá S trình bày:

Mẹ ông S là bà Nguyễn Thị H sinh năm 1922 mất năm 2018, cha ông S là ông Nguyễn Bá T2 sinh năm 1923 mất năm 1951. Bà H có đứng tên phần đất diện tích 12.900 m² thuộc thửa 937, 938, 944 tờ 1 tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất có nguồn gốc của ông bà nội ông S để lại cho ông T2-bà H từ trước năm 1945. Bà H, ông T2 có 4 người con là ông Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá T3 (mất năm 1968 không vợ con) và Nguyễn Bá M (chết năm 2016). Phần đất nêu trên, bà H ông T2 canh tác từ trước năm 1945 đến năm 1951. Năm 1951, ông T2 mất, bà H tiếp tục quản lý canh tác đến năm 2018. Thời gian bà H còn sống, bà H sống chung với vợ chồng ông Nguyễn Bá M. Trên phần đất có 01 căn nhà xây tường do bà H xây cất từ sau năm 1975. Trên đất có cây trồng chủ yếu là dừa do bà H trồng. Phần đất trên bà H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm nào thì ông S không rõ. Hiện nay phần đất trên do ông Nguyễn Bá M đứng tên, đứng tên năm nào thì ông S không rõ. Đối với phần đất nêu trên, nếu được chia kỹ phần thừa

kế theo quy định pháp luật, ông S đồng ý cho vợ con ông Nguyễn Bá M được thừa hưởng kỷ phần thừa kế của ông Sĩ. Ông S có yêu cầu xin được vắng mặt trong quá trình tòa án tiến hành tố tụng.

Tại Công văn số 3071/UBND-NC ngày 14/8/2019 UBND huyện C có ý kiến:

Thửa đất số 937, 938, 944 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre có tổng diện tích là 12.900 m², Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 24/7/1992. Sau đó bà H lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá Minh (sinh năm 1950 con ruột của bà Nguyễn Thị H), được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 04/02/2008 và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá M ngày 21/4/2008 gồm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208706 thuộc thửa số 944 tờ bản đồ số 1 diện tích là 3.100 m², loại đất lúa. Năm 2007 đo đạc toạ độ, thửa 944 tờ bản đồ số 1 có số thửa mới 257, tờ bản đồ số 7.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 208707 thuộc thửa số 937, 938 tờ bản đồ số 1 (hợp thửa có thửa mới số 2081 tờ bản đồ số 1), diện tích 9.800 m², loại đất 300m² thổ cư + 9.500 m² cây lâu năm. Năm 2007 đo đạc toạ độ, thửa 2081 có số thửa mới 210, tờ bản đồ số 7.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá T đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Nguyễn Bá M vào ngày 21/4/2008, Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo thẩm quyền.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 đã tuyên như sau:

1. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Bá T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Bá M số AL 208706 được UBND huyện C tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/4/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Bá M số AL 208707 được UBND huyện C tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/4/2008.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T về việc yêu cầu bà Lữ Lệ T, anh Nguyễn Bá T1, chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Nguyễn Bá T2 bà Nguyễn Thị H để lại đối với phần đất có diện tích 14.496,2m² tại thửa 210, 257 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã T huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lữ Lệ T, anh Nguyễn Bá T1, chị Nguyễn Thị Thanh T được nhận thừa kế, quản lý sử dụng phần đất, nhà cửa, công trình phụ và toàn bộ cây trồng trên đất có diện tích 3442m² và phần đất 3441.9m², trong đó có 200m² đất thổ cư, đất chia thuộc thửa 210DK-2 và 210DK-3.

- Phần đất thửa 210DK-2 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 225, 209, 186 có độ dài cạnh là 1,66m + 57,40m + 3,85m

Cạnh Tây giáp thửa 213 có độ dài cạnh là 62,95m

Cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 210 có độ dài cạnh là 53,95m

Cạnh Bắc giáp phần còn lại của thửa 210 có độ dài cạnh là 55,46m.

- Phần đất thửa 210DK-3 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 232, 233, 225 có độ dài cạnh là 15,69m + 16,90m + 30,63m

Cạnh Tây giáp thửa 239, 213, có độ dài cạnh là 51,17m + 12,02m

Cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 257 có độ dài cạnh là 54, 57m.

Cạnh Bắc giáp phần còn lại của thửa 210 có độ dài cạnh là 53,95m.

Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/6/2019 kèm theo.

Bà Thu, anh Thái, chị Trúc được nhận thừa kế phần đất có diện tích 1390.1m² và phần đất 1390m² có cả cây trồng trên đất, đất chia thuộc thửa 257DK-1 và 257DK-2.

- Phần đất thửa 257DK-1 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 250 có độ dài cạnh là 12,48m + 14,07m

Cạnh Tây giáp thửa 239 có độ dài cạnh là 24,39m

Cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 257 có độ dài cạnh là 54, 99m.

Cạnh Bắc giáp phần còn lại của thửa 210 có độ dài cạnh là 54,57m.

- Phần đất thửa 257DK-2 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 258 có độ dài cạnh là 26,75m

Cạnh Tây giáp thửa 267, 239 có độ dài cạnh là 9,64m + 14,09m

Cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 257 có độ dài cạnh là 55,67m.

Cạnh Bắc giáp phần còn lại của thửa 257 có độ dài cạnh là 54,99m.

Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/6/2019 kèm theo.

4. Buộc bà T, anh T1, chị Tc có trách nhiệm, chia thừa kế cho ông Nguyễn Bá T phần đất có diện tích 3442.2m² có cả cây trồng trên đất, trong đó có 100m² đất thổ cư, đất chia thuộc thửa 210DK-1.

- Phần đất thửa 210DK-1 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 186 có độ dài cạnh là 64,07m.

Cạnh Tây giáp thửa 213, 516, 515, 514, có độ dài cạnh là 8,74m + 8,72m + 6,09m + 9,51m + 14,13m.

Cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 210 có độ dài cạnh là 55,46m

Cạnh Bắc giáp thửa 173 có độ dài cạnh là 11,28m + 43,67m.

Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/6/2019 kèm theo.

5. Buộc bà T, anh T1, chị T có trách nhiệm, chia thừa kế cho ông Nguyễn Bá T phần đất có diện tích 1390.1m² có cả cây trồng trên đất, đất chia thuộc thửa 257DK-3.

- Phần đất thửa 257DK-3 có tứ cận:

Cạnh Đông giáp thửa 258 có độ dài cạnh là 3,46m + 23,29m

Cạnh Tây giáp thửa 267 có độ dài cạnh là 23,21m

Cạnh Nam giáp rạch có độ dài cạnh là 24,70m+ 31,06m.

Cạnh Bắc giáp phần còn lại của thửa 257 có độ dài cạnh là 55,67m.

Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/6/2019 kèm theo.

6. Buộc ông T có trách nhiệm hoàn lại cho bà T, anh T1, chị T 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị phần cây trồng trên hai phần đất được nhận thừa kế và công sức đầu tư lên vườn của một phần thửa đất 257.

7. Ghi nhận việc ông Nguyễn Bá S đồng ý cho ký phần thừa kế mình được hưởng cho bà Lữ Lệ T, anh Nguyễn Bá T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T.

8. Ghi nhận việc ông Nguyễn Bá T, ông Nguyễn Bá S đồng ý để căn nhà, toàn bộ công trình kiến trúc trên phần đất bà T, anh T1, chị T được nhận thừa kế thuộc thửa 210 cho bà Lữ Lệ T, anh Nguyễn Bá T1, chị Nguyễn Thị Thanh T quản lý sử dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2019, ông Nguyễn Bá T1, bà Lữ Lệ T, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Võ Tấn T trình bày đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh T1 và chị T là ông Lê Châu T trình bày căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 thì bà Nguyễn Thị H có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có trong hồ sơ và nhận định hợp đồng vô hiệu nên chia toàn bộ di sản cho các đồng thừa kế là không phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn có cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà T, ông T1, chị T; đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự thống nhất là cụ Nguyễn Bá T2 chết năm 1951, cụ Nguyễn Thị H chết năm 2018, hai cụ có bốn người con chung là Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá T3 (Chết năm 1968 không có vợ con) và Nguyễn Bá M (Chết năm 2016) hai cụ không có để lại di chúc.

[2] Theo trình bày của ông Nguyễn Bá Tài thì di sản của cụ Trang và cụ Hai là phần đất thuộc các thửa 210, 257 tờ 7 diện tích được cấp là 12.900m², qua đo đạc thực tế là 14.496,2m². Hiện ông Nguyễn Bá Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người quản lý là vợ và các con ông M.

Theo trình bày của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M thì toàn bộ phần đất trên cụ H đã tặng cho ông M và ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không còn là di sản thừa kế của cụ H để lại.

[3] Chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[3.1] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2019; Biên bản định giá ngày 31/5/2019 và kết quả đo đạc ngày 25/6/2019 thì diện tích đo đạc phần đất đang tranh chấp có tăng lên từ 12.900m² tăng lên 14.496,2m² và trên đất có cây trồng và căn nhà.

[3.2] Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất của cụ H với ông M lập ngày 04/02/2008 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C thể hiện bên tặng cho là bà Trần Thị H là sai so với người cho là bà Nguyễn Thị H. Bản án sơ thẩm căn cứ vào việc chứng thực không đúng này để xác định hợp đồng tặng cho vô hiệu.

[3.2] Tại phiên phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp chứng cứ mới là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 04/02/2008 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Tuy nhiên, có sự khác biệt cơ bản về người cho đó là cụ Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày theo hợp đồng được lập thành 04 bản, ông M giữ 01 bản, trước khi ông M chết thì ông M cất giữ và sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm thì gia đình của ông M mới tìm ra.

Sau khi Tòa án công bố chứng cứ thì Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xem và đề nghị ngừng phiên tòa để làm rõ vì sao hợp đồng tặng cho ký cùng ngày nhưng khác về tên người cho.

[3.3] Quá trình sử dụng đất và thu thập chứng cứ đã xác định ông M là người có công sức đóng góp vào việc quản lý tôn tạo di sản thừa kế (Ông T phải có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị cây trồng cho bị đơn) nhưng không xem xét là có thiếu sót (Theo án lệ số 05).

[3.4] Đối với ông Nguyễn Bá S có trình bày: nếu di sản được chia theo pháp luật thì phần ông được nhận ông tặng cho lại vợ và các con ông M. Ý kiến này không phù hợp với người định đoạt, đương sự có quyền chia thừa kế thì phải đóng tiền tạm ứng án phí, nếu không yêu cầu thì không xem xét. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên các đồng thừa kế của ông M được nhận kỷ phần thừa kế của ông S là không đúng.

[4] Do những vi phạm trên là nghiêm trọng và tại phiên tòa phúc thẩm có chứng cứ mới, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm.

[5] Bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục chung.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lữ Lê T, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Bá T theo biên lai thu số 0007067; 0007068 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

